

Bản án số: 750/2019/HC-PT

Ngày: 22-10-2019

V/v: Khiếu kiện quyết định xử phạt hành
chính, quyết định cưỡng chế và quyết
định giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Đặng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 235/2019/TLPT-HC ngày 19 tháng 3 năm 2019; về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính, quyết định cưỡng chế và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2192/2019/QĐPT-HC ngày 25 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phan Thị M; Địa chỉ cư trú: 360 LHP, Phường 3, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần M1, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần M1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố VT; Địa chỉ: 46 TCD,

Phường 3, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VT; Địa chỉ: 89 LTK, Phường 1, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố VT: Ông Nguyễn Văn B; Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố VT (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị M là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 11/12/2008, UBND Phường 3, thành phố VT ký hợp đồng cho thuê mặt bằng số 04/HĐTMB với Công ty TNHH Tân Ngọc Mỹ (đại diện là bà Phan Thị M) về việc cho thuê khu đất tại địa chỉ 360 LHP, Phường 3, thành phố VT; mục đích sử dụng làm địa điểm kinh doanh, buôn bán; giá thuê 2.500.000 đồng/tháng; thời hạn thuê đến ngày 11/12/2009. Ngày 10/12/2009, UBND Phường 3 và bà M ký phụ lục hợp đồng, gia hạn thời hạn cho thuê mặt bằng.

Ngày 26/11/2015, UBND Phường 3 ban hành Quyết định 343/QĐ-UBND về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê mặt bằng tại số 360 LHP, trong đó có bà M và yêu cầu tháo dỡ bàn giao mặt bằng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

Ngày 20/7/2016, UBND Phường 3 phối hợp với các ban ngành cùng tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà M; có hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý tại địa điểm số 360 LHP, từ ngày 23/11/2015 đến ngày 20/7/2016, diện tích khoảng 152m²; hiện trạng có 01 công trình diện tích ngang 8,15m, dài 18,7m = 152,4m², cao khoảng 4,2m, kết cấu tường gạch, móng gạch, cột sắt, khung sắt, mái tôn, nền gạch tàu, đang kinh doanh mua bán xe gắn máy.

Ngày 26/7/2016 Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC (Quyết định 193) xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đối với bà M.

Ngày 04/8/2016 bà M khiếu nại Quyết định 193. Ngày 14/9/2016, Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành Quyết định số 344/QĐ-UBND (Quyết định 344) với nội dung bác đơn khiếu nại của bà M.

Ngày 07/10/2016, Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành Quyết định 357/QĐ-UBND (Quyết định 357) cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC đối với bà M.

Không đồng ý, bà M tiếp tục khiếu nại.

Ngày 01/3/2018, Chủ tịch UBND thành phố VT đã ban hành Quyết định số 841/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai của bà M, bác nội dung khiếu nại của bà M, công nhận Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3.

Ngày 13/6/2018, bà M khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu:

1/ Hủy bỏ Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3 về việc “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

2/ Hủy bỏ Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch Phường 3 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3/ Hủy bỏ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

4/ Hủy nội dung tại Điều 1 của Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT, có nội dung: “Công nhận nội dung giải quyết nêu trên của Chủ tịch UBND Phường 3 tại Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu”.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất này ngang 8m, sâu 20m do bà M nhận sang nhượng thành quả san lấp mặt bằng và kiot bán rượu bia của bà Hai Gà từ năm 1994. Gia đình bà M ở và tiếp tục kinh doanh mua bán rượu bia đến nay.

Quá trình sử dụng đất: Năm 2005 bà M ký hợp đồng thuê đất với UBND Phường 3, bà do cần ổn định cuộc sống làm ăn buôn bán và không có ý kiến gì đối với hợp đồng này. Bà M đóng tiền thuê mặt bằng hàng tháng liên tục từ năm 2005 đến tháng 10/2015. Bà M đã sử dụng đất ổn định lâu dài, không có tranh chấp với ai. Do bà M không am hiểu pháp luật nên cũng không kê khai đăng ký và đóng thuế, bà M cũng không được UBND phường hướng dẫn.

Tại biên bản làm việc ngày 24/3/2016 của UBND Phường 3 có nói thu hồi lại mặt bằng để dự định xây trụ sở khu phố 3 nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất. Tại biên bản này, Chủ tịch UBND Phường 3 cũng thừa nhận việc cho thuê mặt bằng là không đúng thẩm quyền của UBND Phường 3.

Do đó, việc Chủ tịch UBND Phường 3 cho rằng bà M lấn chiếm và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế là không có cơ sở. Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà M là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà M.

Người bị kiện Chủ tịch UBND Phường 3 trình bày:

Ngày 26/11/2015, UBND Phường 3 đã ban hành Quyết định 343/QĐ-UBND về việc chấm dứt Hợp đồng cho thuê mặt bằng tại số 360 LHP, Phường 3, thành phố VT trong đó có bà Phan Thị M và yêu cầu tháo dỡ bàn giao mặt bằng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Ngày 04/3/2016 UBND phường phối hợp với các ban ngành tổ chức buổi làm việc với bà Phan Thị M nhằm giải thích việc bàn giao mặt bằng tại số 360 LHP là chủ trương của UBND thành phố VT trong việc quản lý chặt chẽ quỹ đất công của nhà nước.

Ngày 24/3/2016, UBND phường tổ chức buổi làm việc với bà Phan Thị M nhằm triển khai Thông báo số 25/TB-UBND và thuyết phục bà Phan Thị M bàn giao lại mặt bằng do UBND Phường 3 quản lý.

Ngày 20/7/2016, UBND Phường 3 phối hợp với các ban ngành cùng tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Phan Thị M. Ngày 26/7/2016 Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đối với bà Phan Thị M.

Ngày 04/8/2016 gửi đơn khiếu nại đối với Quyết định 193/QĐ-XPVPHC. Ngày 14/9/2016, Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành Quyết định số 344/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của bà M.

Ngày 07/10/2016, Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành Quyết định 357/QĐ-UBND củng cố thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC đối với bà Phan Thị M.

Ngày 02/12/2016, UBND thành phố giao phòng Tài nguyên và Môi trường xác minh đơn Đơn khiếu nại lần 2 của bà Phan Thị M đối với Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 26/7/2016 và Quyết định 357/QĐ-UBND ngày 7/10/2016 của UBND Phường 3.

Ngày 01/3/2018, UBND thành phố VT đã ban hành Quyết định số 841/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phan Thị M, ngụ số 360, LHP, Phường 3, thành phố VT *(lần hai)*. Theo đó, UBND thành phố Vũng đã bác nội dung khiếu nại của bà M, công nhận Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3.

UBND Phường 3 nhận định: việc thu hồi mặt bằng tại số 360 LHP theo chỉ đạo của UBND thành phố VT và Phường 3 ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị M đang chiếm dụng đất tại số 360, LHP là đúng trình tự theo quy định pháp luật. Do đó, UBND Phường 3 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VT không có ý kiến về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố VT trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố VT đã tiến hành xác minh, giải quyết khiếu nại của bà M theo quy định của Luật Khiếu nại. Kết quả xác minh không có tình tiết mới, các quyết định của Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành đúng pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 841/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà Phan Thị M là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 38, Điều 52, Điều 54, Điều 58, Điều 66, Điều 67 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 10, Điều 31, Điều 38 Nghị định

số 102/2017/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M về việc yêu cầu hủy các quyết định:

Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch Phường 3 cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, bà Phan Thị M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện là Chủ tịch UBND Phường 3, thành phố VT và Chủ tịch UBND thành phố VT vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu ý kiến như sau: Hợp đồng cho thuê mặt bằng giữa UBND Phường 3 và Công ty TNHH Tân Mỹ Ngọc là hợp đồng dân sự. Mặt khác, bên thuê là Công ty TNHH Tân Mỹ Ngọc nhưng quyết định hành chính xử phạt cá nhân bà M. Do đó, việc UBND Phường 3 và UBND thành phố VT dùng các quy định hành chính để điều chỉnh các quan hệ pháp luật dân sự là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1/ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2/ Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị M làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3/ Về nội dung kháng cáo:

Sau khi hết hạn hợp đồng, UBND Phường 3 đã ban hành Quyết định 343/QĐ-UBND ngày 26/11/2015, chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng 360 LHP với bà M. Việc bà M tiếp tục sử dụng mặt này là đã có hành vi lấn chiếm đất của Nhà nước. Do đó, Chủ tịch UBND Phường 3 ban hành Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 26/7/2016, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 07/10/2016, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, đúng quy định khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 10, Điều 31, Điều 38 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Do có hành vi lấn chiếm đất và đã bị xử phạt như trên, nên Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT giải quyết khiếu nại lần hai, có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị M làm trong thời hạn, có hình thức, nội dung phù hợp và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Các Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3, thành phố VT, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 07/10/2016, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT giải quyết khiếu nại lần hai, là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, về giải quyết khiếu nại nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Bà M nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính vào ngày 12/6/2018 là còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào Hợp đồng cho thuê mặt bằng không số, ngày 30/6/2005 giữa UBND Phường 3, thành phố VT và Công ty TNHH Tân Mỹ Ngọc, do ông Nguyễn Lương Ngọc làm đại diện; Hợp đồng cho thuê mặt bằng số 04/HĐTMB, ngày 11/12/2008 giữa UBND Phường 3, thành phố VT và Công ty

TNHH Tân Mỹ Ngọc, do bà Phan Thị M làm đại diện và Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ-UBND, ngày 10/12/2009 giữa UBND Phường 3, thành phố VT và Công ty TNHH Tân Mỹ Ngọc, do bà Phan Thị M làm đại diện, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Mặt bằng tại số 360 LHP được UBND Phường 3, thành phố VT cho Công ty TNHH Tân Mỹ Ngọc thuê để kinh doanh từ ngày 30/6/2005 và gia hạn đến hết ngày 31/12/2011. Trong các hợp đồng nêu trên, có quy định đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Do đó, đây là hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng thuê tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005.

Do là hợp đồng dân sự, có quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, nên khi một bên vi phạm hợp đồng thì bên bị vi phạm có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu Tòa án có thẩm giải quyết việc tranh chấp hợp đồng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc UBND Phường 3 và Chủ tịch UBND Phường 3 đơn phương ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng; ban hành các Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 26/7/2016, về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 07/10/2016, về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đã dùng các quy phạm pháp luật hành chính để giải quyết các quan hệ pháp luật dân sự là không đúng quy định của pháp luật.

Tương tự, việc UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 giải quyết khiếu nại lần hai, có nội dung bác khiếu nại của bà M, giữ nguyên Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3 là trái pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà M và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà M là có căn cứ nên được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND Phường 3 và Chủ tịch UBND thành phố VT, mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà M không phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị M. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Hủy các quyết định hành chính sau đây: Quyết định số 193/QĐ-XPVPHC ngày 26/7/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3, thành phố VT, về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch Phường 3, thành phố VT, về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND Phường 3, thành phố VT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT giải quyết khiếu nại lần hai.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch UBND Phường 3, thành phố VT và Chủ tịch UBND thành phố VT, mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho bà Phan Thị M 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, theo biên lai thu số 3211 ngày 28/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Phan Thị M 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, theo biên lai thu số 5990 ngày 06/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Đương sự (3);
- Lưu (3), 17b (HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa